

Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 208/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa:

*** Người yêu cầu:**

1. Anh Trần Bá T, sinh năm 1983; HKTT: Số B Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Số A Hòa Bình, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm 1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số B Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hungary.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà F Q, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà F Q, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T, chị N, bà H đều vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của anh Trần Bá T, chị Bùi Thị Kim N và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá T và chị Bùi Thị Kim N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q,

thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/10/2011. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Khoảng tháng 3/2024, chị N đã đi lao động tại Hungary. Nay anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh T và chị N có 04 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 28/02/2012; Trần Bá Gia B, sinh ngày 25/10/2014; Trần Bảo A, sinh ngày 03/5/2023 và Trần Bảo H1, sinh ngày 03/5/2023. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả 4 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con. Trong thời gian ở nước ngoài, chị N nhờ mẹ đẻ là bà Trịnh Thị H chăm sóc các con chung cho đến khi chị N về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị N đều xác định không có nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị N. Chị N ủy quyền cho bà chăm sóc các cháu trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam, bà nhất trí.

Tại phiên họp, anh T, chị N đều có quan điểm xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn. Bà H có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trần Bá T và chị Bùi Thị Kim N. Về con chung: Giao cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 28/02/2012; Trần Bá Gia B, sinh ngày 25/10/2014; Trần Bảo A, sinh ngày 03/5/2023 và Trần Bảo H1, sinh ngày 03/5/2023. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cả 04 cháu cho bà Trịnh Thị H (bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung, nợ

chung: Không xem xét giải quyết. Về lệ phí: Anh T và chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị Kim N hiện đang sinh sống tại Hungary, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các tài liệu chị N gửi về gồm Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền đều có xác nhận của Đ tại Hungary nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp, chị N, anh T, bà H vắng mặt, đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá T và chị Bùi Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/10/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh T đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không tin tưởng nhau. Từ cuối năm 2023 đến nay, anh T và chị N đã sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Tháng 3/2024, chị N đi xuất khẩu lao động tại Hungary. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị N có 04 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 28/02/2012; Trần Bá Gia B, sinh ngày 25/10/2014; Trần Bảo A, sinh ngày 03/5/2023 và Trần Bảo H1, sinh ngày 03/5/2023. Hiện các con chung đều đang ở cùng bà ngoại là Trịnh Thị H. Khi ly hôn, chị N và anh T thống nhất thỏa thuận giao cả 04 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, chị N ủy quyền cho bà H chăm sóc các con chung, bà H đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của

các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu B, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con chung nên Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chị N và anh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Bá T.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Bá T. Giao cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung là Trần Đức K, sinh ngày 28/02/2012; Trần Bá Gia B, sinh ngày 25/10/2014; Trần Bảo A, sinh ngày 03/5/2023 và Trần Bảo H1, sinh ngày 03/5/2023 kể từ tháng 6/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu K, cháu B, cháu Bảo A, cháu Bảo H1 cho bà Trịnh Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (cộng bằng 300.000đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000667 ngày 08/5/2024 do bà Trịnh Thị H nộp thay chị N, anh T tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N, anh T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Hoa